

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**  
**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU**  
Mã hồ sơ: .....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống: )

Đối tượng đăng ký: Giảng viên; **Giảng viên thỉnh giảng:**

Ngành: **Kinh tế;** Chuyên ngành: Kinh tế quốc tế

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: **ĐẶNG THU THỦY**

2. Ngày tháng năm sinh: **26/01/1983**; Nam  ;Nữ ; Quốc tịch: **Việt Nam**

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): **xã Thượng Thanh, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội**

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): số nhà 23A/151B phố Thái Hà, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Tầng 11-12, Tòa nhà Khôi các Viện Nghiên cứu quốc tế, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, số 176 phố Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng:

Điện thoại di động: 0909 211 080

E-mail: thuy0183@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 09/2008 đến 01/2012 Chuyên viên quản lý đào tạo, Hiệp hội Cho thuê Tài chính Việt Nam.

Từ 02/2012 đến 12/12012	Chuyên viên, Văn phòng Học viện Ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Từ 01/2013 đến 11/2017	Chuyên viên quản lý đào tạo, Trung tâm Tài chính vi mô, Học viện Ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Từ 12/2017 đến 5/2018	- Chuyên viên quản lý đào tạo, Trung tâm Tài chính vi mô, Học viện Ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. - Giảng viên thỉnh giảng, Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam
Từ 05/2018 đến 09/2018	- Nghiên cứu viên, Viện Nghiên cứu Khoa học Ngân hàng, Học viện Ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Giảng viên thỉnh giảng, Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam
Từ 10/2018 đến 08/2019	- Nghiên cứu viên, Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam - Giảng viên thỉnh giảng, Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam
Từ 09/2019 đến 3/2020	- Nghiên cứu viên chính, Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam - Giảng viên thỉnh giảng, Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam
Từ 04/2020 đến 04/2022	- Nghiên cứu viên chính, Phó trưởng phòng phụ trách Phòng Nghiên cứu Quan hệ quốc tế và Hội nhập, Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam - Giảng viên thỉnh giảng, Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam
Từ 05/2022 đến nay	- Nghiên cứu viên chính, Trưởng phòng Phòng Nghiên cứu Quan hệ quốc tế và Hội nhập, Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam - Giảng viên thỉnh giảng, Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Chức vụ hiện nay:

- Trưởng phòng, Phòng Nghiên cứu Quan hệ quốc tế và Hội nhập, Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam
- Giảng viên thỉnh giảng, Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng phòng Phòng Nghiên cứu Quan hệ quốc tế và Hội nhập, Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Cơ quan công tác hiện nay: **Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam**

*Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước*

Địa chỉ cơ quan: Tầng 11-12, Tòa nhà Khôi các Viện Nghiên cứu quốc tế, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, số 176 phố Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: (024) 35423002

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): **Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam**

8. Chưa nghỉ hưu

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Học viện Khoa học xã hội

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 22 tháng 6 năm 2006; số văn bằng: QC 042096; ngành Tiếng Nga; chuyên ngành Tiếng Nga; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội

- Được cấp bằng Đại học ngày 24 tháng 6 năm 2008; số văn bằng: QC 057649; ngành Tiếng Anh; chuyên ngành Tiếng Anh; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội

- Được cấp bằng Đại học ngày 09 tháng 2 năm 2010; số văn bằng: A 156123; ngành Tài chính – Ngân hàng; chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Học viện Ngân hàng, Hà Nội.

- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 14 tháng 1 năm 2011, ngành Quản trị kinh doanh, chuyên ngành Tài chính; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Nam Columbia, Hoa Kỳ.

- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 07 tháng 11 năm 2017, số văn bằng HT 000408; ngành Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế quốc tế; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng .... năm ....., ngành: .....

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: **Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam**

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: **Kinh tế**

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Kinh tế quốc tế
- Tài chính – ngân hàng
- Quản trị doanh nghiệp

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đang hướng dẫn chính **03 NCS** thuộc Học viện Khoa học xã hội, thực hiện đúng tiến độ.

- Đã hướng dẫn **12 học viên cao học** bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ.
- Đã hoàn thành **11 đề tài khoa học** các cấp gồm: Chủ nhiệm 01 đề tài khoa học cấp Bộ (Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam) và 02 đề tài khoa học cấp cơ sở (Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á); thành viên và thư ký của 08 đề tài khoa học cấp Bộ, Ban ngành và đề tài khoa học cấp cơ sở...; Đang thực hiện với vai trò là chủ nhiệm và thành viên chính của **06 đề tài khoa học** từ cấp cơ sở, cấp Bộ ban ngành đến cấp Nhà nước (KX, Nafosted).
- Đã công bố (số lượng): **105 bài báo khoa học**, trong đó **10 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín; 08 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế chuyên ngành**.
- Đã được cấp (số lượng) ..... bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- **Số lượng sách đã xuất bản 08**, trong đó 08 cuốn sách thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: .....

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

▪ **Khen thưởng**

- Quyết định số 23/QĐ-HVNH ngày 16/5/2017 về việc Khen thưởng Tập thể/cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động KH&CN năm học 2016-2017 của Học viện Ngân hàng.
- Quyết định số 84/QĐ-HVNH ngày 14/5/2018 về việc Khen thưởng Tập thể/cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động KH&CN năm học 2017-2018 của Học viện Ngân hàng.
- Quyết định số 79/QĐ-HĐQL-Nafosted ngày 19/5/2020 của Chủ tịch Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ quốc gia hỗ trợ công bố công trình khoa học cho kết quả nghiên cứu của Đặng Thu Thủy (Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á) “What make banks’ front-line staff more customer oriented? The role of interactional justice”, đăng tải trên tạp chí International Journal of Banking Marketing.
- Quyết định số 79/QĐ-KHXH ngày 21/01/2021 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam khen thưởng Đặng Thu Thủy (Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á) đã có thành tích xuất sắc 02 năm liên tục (2019, 2020) đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”
- Quyết định số 121/QĐ-KHXH ngày 16/2023 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam khen thưởng nữ viên chức có thành tích xuất sắc năm 2022.
- Quyết định số 578/QĐ-KHXH ngày 12/05/2023 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam khen thưởng Đặng Thu Thủy (Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á) đã có thành tích xuất sắc trong công tác Nghiên cứu khoa học năm 2022 (Chủ nhiệm đề tài cấp Bộ: Thúc đẩy kết nối hạ tầng Việt Nam - Ấn Độ đạt loại xuất sắc)

▪ **Danh hiệu thi đua**

- Năm học 2013-2014; 2014-2015; 2015-2016; 2016-2017; 2017-2018: đạt danh hiệu Lao động tiên tiến tại Học viện Ngân hàng
- Quyết định số 62/QĐ-AD&TNA ngày 18/12/2019 của Viện trưởng Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á khen thưởng Đặng Thu Thủy đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2019

- Quyết định số 61/QĐ-AD&TNA ngày 14/12/2020 của Viện trưởng Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á khen thưởng Đặng Thu Thủy đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2020
- Quyết định số 59/QĐ-AD&TNA ngày 10/12/2021 của Viện trưởng Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á khen thưởng Đặng Thu Thủy đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2021
- Quyết định số 50/QĐ-KHXH ngày 27/01/2022 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam khen thưởng Đặng Thu Thủy (Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á) đã có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong số những cá nhân có 03 năm liên tục (2019, 2020, 2021) đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” (Chiến sĩ thi đua cấp Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam)

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): **Không**

## **B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ**

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Trong 15 năm qua làm công tác quản lý đào tạo, nghiên cứu và giảng dạy tại Hiệp hội cho thuê tài chính, Học viện Ngân hàng, Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á và Học viện Khoa học xã hội, tôi luôn cố gắng học hỏi, trau dồi kiến thức và nâng cao trình độ chuyên môn, tu dưỡng tư cách đạo đức và phẩm chất chính trị. Hiện tại, là cán bộ nghiên cứu và giảng viên thỉnh giảng, tôi luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á và Học viện Khoa học xã hội phân công. Tôi tự đánh giá bản thân dựa trên các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của một giảng viên thỉnh giảng, nhà nghiên cứu như sau:

*Về hoạt động nghiên cứu khoa học:* Cá nhân tôi ý thức cầu tiến và nghiêm túc trong hoạt động nghiên cứu khoa học. Bên cạnh đó, tôi luôn phân bổ và cân bằng thời gian và tâm sức cho cả hai hoạt động nghiên cứu và giảng dạy hướng đến lấy nghiên cứu là nền tảng cho công tác giảng dạy và thực tiễn giảng dạy hỗ trợ hoạt động nghiên cứu. Tôi luôn hoàn thành công tác nghiên cứu khoa học và giảng dạy. Trong các buổi thảo luận chuyên môn tại Học viện Khoa học xã hội, tôi luôn đóng góp ý kiến, trao đổi, chia sẻ với các đồng nghiệp những kiến thức liên quan đến môn học được phân công giảng dạy. Bên cạnh đó, tôi đã tham gia nhiều đề tài nghiên cứu khoa học, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao gồm: (i) chủ nhiệm 01 đề tài cấp Bộ (cấp Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam), 02 đề tài cấp cơ sở (cấp Viện Nghiên cứu Ấn Độ & Tây Nam Á); (ii) thành viên chính của 02 đề tài cấp Nhà nước, 06 đề tài cấp Bộ, ngành (03 đề tài thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và 03 đề tài thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam), thư ký và thành viên 03 đề tài cấp cơ sở (Trường Đại học Ngoại thương và Học viện Ngân hàng). Ngoài ra, năm học 2022-2023, tôi đã được Quỹ Khoa học và Công nghệ quốc gia (Nafosted) phê duyệt đề tài cấp Nhà nước với vai trò là chủ nhiệm đề tài: “*Tác động của mối liên kết với chính quyền lên hoạt động đổi mới sáng tạo ở các doanh nghiệp nhỏ và vừa: Bằng chứng từ dữ liệu toàn cầu và Việt Nam*” (Mã số: 502.02.2021.17) và thư ký của đề tài Quỹ Nafosted “*Kết nối Ấn Độ - Asean và vị trí của Việt Nam*” (Mã số: 506.01.2021.03). Bên cạnh việc thực hiện đề tài, cá nhân tôi cũng tham gia trình bày hội thảo quốc gia, quốc tế, công bố các bài nghiên cứu trên các tạp chí quốc tế có chất lượng, kỷ yếu hội thảo... Tôi cũng tích cực tham gia hướng dẫn học viên nghiên cứu khoa học một cách nghiêm túc.

*Về hoạt động giảng dạy:* Với tư cách là một giảng viên thỉnh giảng, tôi luôn quan tâm đến chất lượng giảng dạy, lấy học viên là trung tâm, giữ gìn tư cách và phẩm chất đạo

đức của người thầy giáo. Tôi thực hiện giảng dạy bậc đào tạo sau đại học tại Học viện Khoa học xã hội. Tôi đã và đang không ngừng cố gắng để hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ giảng dạy các môn học thuộc chuyên ngành quản lý kinh tế, chính sách kinh tế, tài chính – ngân hàng, quản trị kinh doanh... theo đúng mục tiêu, tiêu chuẩn đầu ra và đề cương đã được Ban lãnh đạo Học viện Khoa học xã hội phê duyệt. Tôi áp dụng phương pháp giảng dạy phù hợp với từng đối tượng học viên, từng môn học theo hướng hiện đại, lấy người học làm trung tâm, gắn bài giảng lý thuyết với các tình huống thực tiễn (case study) để học viên dễ dàng lĩnh hội kiến thức. Tôi luôn lắng nghe các ý kiến nhận xét của học viên, đồng nghiệp, Ban lãnh đạo Học viện Khoa học xã hội sau mỗi khóa học để rút kinh nghiệm trong quá trình giảng dạy. Đồng thời, tôi luôn quan tâm, giúp đỡ học viên trong việc thực hiện luận văn, luận án đảm bảo chất lượng và đúng tiến độ theo kế hoạch học tập của Học viện Khoa học xã hội. Tôi tham gia hướng dẫn học viên cao học và nghiên cứu sinh đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng (đang hướng dẫn 3 NCS và đã hướng dẫn thành công 12 HVCH). Bên cạnh đó, tôi tham gia các hội đồng chấm luận văn, luận án hội đồng nghiệm thu đề tài khoa học các cấp trong và ngoài Học viện Khoa học xã hội.

*Về ý thức chính trị và tham gia các hoạt động đoàn thể, xã hội:* Là một nghiên cứu viên và giảng viên, tôi luôn có ý thức tự học tập, rèn luyện, bồi dưỡng bản thân cả về chuyên môn nghiệp vụ cũng như phẩm chất đạo đức. Tôi luôn giữ lập trường tư tưởng vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công dân, chấp hành tốt mọi chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, chấp hành tốt các quy định chung của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Với tinh thần cầu thị, tôi luôn có ý thức học hỏi các đồng nghiệp đi trước, rèn luyện và nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ và các kỹ năng phục vụ cho hoạt động nghiên cứu và giảng dạy tại Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á cũng như tại Học viện Khoa học xã hội.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 06 năm

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS)

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2017-2018	0	0	0		0	45	45/45/135
2	2018-2019	0	0	0		0	165	165/165/135
3	2019-2020	0	0	2		0	135	135/275/135
03 năm học cuối								
4	2020-2021	01	0	4		0	150	150/430/135
5	2021-2022	01	0	4		0	315	315/595/135
6	2022-2023	01	0	2		0	270	270/410/135

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

### 3. Ngoại ngữ:

#### 3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: **Tiếng Anh**

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước: .....; Từ năm ..... đến năm .....

- Bảo vệ luận văn ThS  hoặc luận án TS  hoặc TSKH ; tại nước: ..... năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội; số bằng: QC 057649; năm cấp: 2008

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): .....

d) Đối tượng khác ; Diễn giải: .....

#### 3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

Được cấp bằng Đại học ngày 24 tháng 6 năm 2008; số văn bằng: QC 057649; ngành Tiếng Anh; chuyên ngành Tiếng Anh; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội

### 4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
<b>I. Nghiên cứu sinh</b>								
1	Đặng Thị Thuý	x		x		2020-2023	Học viện KHXH	Đang thực hiện Luận án
2	Võ Tiến Lộc	x		x		2021-2024	Học viện KHXH	Đang thực hiện Luận án
3	Trần Lâm Vũ	x		x		2022-2025	Học viện KHXH	Đang thực hiện Luận án
<b>II. Học viên Cao học</b>								
1	Nguyễn Thị Hoà		x	x		2018-2019	Học viện KHXH	11/2019

2	Nguyễn Việt Dũng		x	x		2019-2020	Học viện KHXH	7/2020
3	Lý Thị Hồng Minh		x	x		2019-2020	Học viện KHXH	11/2020
4	Lê Thị Mai Hương		x	x		2020-2021	Học viện KHXH	11/2021
5	Phạm Minh Dzung		x	x		2020-2021	Học viện KHXH	8/2021
6	Huỳnh Bích Hà		x	x		2020-2021	Học viện KHXH	8/2021
7	Tô Thanh Long		x	x		2020-2021	Học viện KHXH	8/2021
8	Nguyễn Trần Tuấn Anh		x	x		2020-2021	Học viện KHXH	4/2022
9	Nguyễn Thị Minh Hậu		x	x		2021-2022	Học viện KHXH	4/2022
10	Bùi Thị Tuyết Nhung		x	x		2021-2022	Học viện KHXH	4/2022
11	Bùi Đức Sinh		x	x		2022-2023	Học viện KHXH	2/2023
12	Trần Văn Tuyền		x	x		2022-2023	Học viện KHXH	2/2023

**Ghi chú:** Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	<b>Trước khi được công nhận PGS/TS</b>						
1	Microfinance handbook – An Institutional and Financial perspective	Biên dịch TLHT	2016	03	ThS. Đặng Thu Thủy, ThS. Nguyễn Thị Thanh Nhân, ThS. Nguyễn Thanh Huyền		Học viện Ngân hàng (QĐ số 62/QĐ-VNCKH ngày 26/3/2016)
2	Chuyển đổi phương thức phát triển kinh tế của Trung Quốc sau Đại hội XVIII	TK	Nhà xuất bản Khoa học xã hội năm 2017 (ISBN: 978-604-944-965-9)	11	TS. Hoàng. Thế Anh		



	Đảng Cộng sản Trung Quốc						
II	<b>Sau khi được công nhận PGS/TS</b>						
3	Tài chính vi mô cơ bản	TLHT	2017	05	PGS.TS Lê Văn Luyện		Học viện ngân hàng (QĐ số 585/QĐ-HVNH ngày 27/11/2017)
4	Tiếp cận tài chính vi mô tại Trung Quốc, Bangladesh và Philippines: Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	CK	Nhà xuất bản Khoa học xã hội năm 2017 (ISBN: 978-604-956-031-6)	01	TS. Đặng Thu Thủy		Học viện Khoa học xã hội (QĐ số 1704/QĐ-HVKHXH ngày 27/6/2023)
5	Cải cách doanh nghiệp Nhà nước Trung Quốc sau Đại hội XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc	TK	Nhà xuất bản Khoa học xã hội năm 2018 (ISBN: 978-604-956-175-7)	06	TS. Hoàng Thế Anh		
6	Nợ công Việt Nam giai đoạn 2011-2018: Đánh giá tác động, rủi ro và một số khuyến nghị	CK	Nhà xuất bản Lao động năm 2020 (ISBN: 978-604-65-4789-1)	05	TS. Phạm Đức Anh		Xác nhận của: - Đại học Tài chính Quản trị kinh doanh (ngày 16/6/2020) - Học viện Ngân hàng (ngày 9/6/2020)
7	India's Relations with its Neighbouring countries in the new context	TK	Social Science Publishing House 2020 (ISBN: 978-604-308-053-7)	03	PGS.TS Nguyễn Xuân Trung, TS. Nguyễn Thị Hằng Nga, TS.Đặng Thu Thủy		
8	Giải pháp phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ trong bối cảnh mới	CK	Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật năm 2021 (ISBN: 978-604-576-874-7)	09	GS.TS Nguyễn Quang Thuần		
9	50 năm quan hệ ngoại giao Việt Nam - Ấn Độ	TK	Nhà xuất bản Khoa học xã hội năm 2023 (978-604-364-448-7)	07	TS. Phạm Cao Cương, TS. Phan Cao Nhật Anh		
10	Kết nối hạ tầng Việt Nam - Ấn Độ	CK	Nhà xuất bản Khoa học xã hội năm 2023 (ISBN: 978-604-364-428-9)	09	TS. Đặng Thu Thủy		Học viện Khoa học xã hội (QĐ số 1704/QĐ-HVKHXH ngày 27/6/2023)

Trong đó: Số lượng 2 sách chuyên khảo [4]; [10] do nhà xuất bản có uy tín xuất bản mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS

**Lưu ý:**

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	<b>Trước khi được công nhận PGS/TS</b>				
1	<b>Đề tài cấp cơ sở (Đại học Ngoại thương)</b> Phát triển bền vững các tổ chức tài chính vi mô tại Thành phố Hà Nội	TV	NT2014-52	2014-2015	09/11/2015 Xếp loại: Khá
II	<b>Sau khi được công nhận PGS/TS</b>				
1	<b>Đề tài cấp cơ sở (Học viện Ngân hàng)</b> Sự tác động của cấu trúc vốn lên độ tự vững của các tổ chức tài chính vi mô tại Việt Nam	TV	DTHV.04/2017	2017-2018	6/11/2018 Xếp loại: Xuất sắc
2	<b>Đề tài cấp ngành (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)</b> Hoàn thiện khung pháp lý về xử lý ngân hàng thương mại có vấn đề	TV	DTNH.008/16	2018	23/5/2018 Xếp loại: Giỏi
3	<b>Đề tài cấp cơ sở (Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á)</b> Chính sách phát triển nông nghiệp của Ấn Độ dưới thời kỳ Thủ tướng Modi – Hàm ý chính sách cho Việt Nam	CN	01/HĐKH-AD&TNA	2019	04/6/2019 Xếp loại: Xuất sắc
4	<b>Đề tài cấp cơ sở (Học viện Ngân hàng)</b> Ứng dụng Fintech trong các tổ chức tài chính vi mô – Kinh nghiệm quốc tế	TK	DTHV.04.2019	2019-2020	12/7/2020 Xếp loại: Giỏi

	và khuyến nghị cho Việt Nam				
5	<b>Đề tài cấp ngành (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)</b> Cuộc cách mạng công nghiệp thế hệ 4 – Xu hướng phát triển sản phẩm, dịch vụ ngân hàng và khuyến nghị chính sách đối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	TV	ĐTINH.011/17	2019	1/2/2019 Xếp loại: Giỏi
6	<b>Đề tài cấp cơ sở (Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á)</b> Phát triển hoạt động ngân hàng xanh (green banking) – Kinh nghiệm Ấn Độ và gợi ý cho Việt Nam	CN	06/HĐKH-AD&TNA	2020	21/12/2020 Xếp loại: Khá
7	<b>Đề tài cấp Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam</b> Ấn Độ trong sự định hình cấu trúc khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương	TV	70/ HĐKH-KHXH	2020	1/12/2020 Xếp loại: Khá
8	<b>Đề tài cấp ngành (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)</b> Giải pháp tài chính hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp tại Việt Nam	TV	ĐTINH.015/19	2021	6/7/2021 Xếp loại: Giỏi
9	<b>Đề tài cấp Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam</b> Thúc đẩy xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam sang thị trường Ấn Độ	TV	239/ HĐKH-KHXH	2022	9/12/2022 Xếp loại: Khá
10	<b>Đề tài cấp Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam</b> Thúc đẩy kết nối hạ tầng Việt Nam - Ấn Độ	CN	237/HĐKH-KHXH	2022	9/12/2022 Xếp loại: Xuất sắc
11	<b>Đề tài cấp Nhà nước</b> Ứng dụng thương mại điện tử đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa: Nghiên cứu trường hợp Ấn Độ và Việt Nam	TV	502.01.2019.15 (Nafosted)	2019-2023	Đang triển khai

12	<b>Đề tài cấp Nhà nước</b> Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung Quốc: Tác động và đối sách của Việt Nam	TV	KX.04.37/ 21-25	2022-2024	Đang triển khai
13	<b>Đề tài cấp Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam</b> Lao động qua biên giới ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc: Vấn đề, ảnh hưởng và giải pháp	TV	100/HĐKH- KHXH	2021-2023	Đang triển khai
14	<b>Đề tài cấp Nhà nước</b> Tác động của mối liên kết với chính quyền lên hoạt động đổi mới sáng tạo ở các doanh nghiệp nhỏ và vừa: Bằng chứng từ dữ liệu toàn cầu và Việt Nam	CN	502.02. 2021.17 (Nafosted)	2023-2025	Đang triển khai
15	<b>Đề tài cấp Nhà nước</b> Kết nối Ấn Độ - Asean và vị trí của Việt Nam	TK	506.01. 2021.03 (Nafosted)	2023-2025	Đang triển khai
16	<b>Đề tài cấp cơ sở (Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á)</b> Ấn Độ hội nhập với khu vực Đông Nam Á trong chính sách Hành động hướng Đông	CN	01/HĐKH- AD&TNA	2023	Đang triển khai

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	<b>Trước khi được công nhận PGS/TS</b>							
1	Định vị các ngân hàng niêm yết theo kết quả hoạt động kinh doanh	1	Tác giả chính	Tạp chí Ngân hàng; ISSN: 0866-7462			Số 22/2012 Tr.34-37	Năm 2012

2	Nâng cao hiểu biết tài chính vi mô cho người nghèo – Kinh nghiệm các nước và bài học cho Việt Nam	1	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng; ISSN: 1859-011X			Số 145/2014 Tr.63-68	Năm 2014
3	Bảo vệ khách hàng tài chính vi mô Việt Nam	1	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam; ISSN: 1013-4328			Số 11 (84) Tr.34-42	Năm 2014
4	Các quy định then chốt trong việc bảo vệ người tiêu dùng tài chính Việt Nam	1	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng ISSN: 1859-011X			Số 151/2014 Tr.17-24	Năm 2014
5	Kinh nghiệm mở rộng tài chính tại khu vực nông thôn Trung Quốc	1	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc; ISSN: 0868-3670			Số 1(161) Tr. 62-73	Năm 2015
6	Tự vững hoạt động và khả năng tiếp cận khách hàng của các tổ chức tài chính vi mô tại thành phố Hà Nội	2	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng ISSN: 1859-011X			Số 160/2015 Tr.57-61	Năm 2015
7	Thực trạng hệ thống tài chính vi mô tại Philippines	1	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á; ISSN: 08688-2739			Số 12 (189) Tr. 40-47	Năm 2015
8	Thực trạng hệ thống tài chính vi mô tại Bangladesh	1	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á; ISSN: 0866-7314			Số 12 (37) Tr.44-54	Năm 2015
9	Hệ thống ngân hàng ngầm tại Trung Quốc - Rủi ro tiềm ẩn	1	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc; ISSN: 0868-3670			Số 4 (176) Tr. 37-44	Năm 2016
10	Tiếp cận tài chính thông qua cung ứng dịch vụ ngân hàng di động tại Bangladesh	1	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á; ISSN: 0866-7314			Số 5 (42) Tr. 33-39	Năm 2016
11	Tình hình tiếp cận tài chính vi mô tại Philippines	1	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á; ISSN: 08688-2739			Số 4 (229) Tr. 43-47	Năm 2016

12	Bảo hiểm vi mô - Quyền lợi xã hội của người nghèo. Kinh nghiệm của Philippines và gợi ý cho Việt Nam	2	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng; ISSN: 1859-011X			Số 171/2016; Tr.70-76	Năm 2016
13	Khuôn khổ pháp lý nhằm phát triển hoạt động ngân hàng xanh. Kinh nghiệm quốc tế và gợi ý cho Việt Nam	1	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc; ISSN: 0868-3670			Số 8 (180) Tr.71-78	Năm 2016
14	Hoạt động của hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân – Trợ lực thúc đẩy nền kinh tế nông thôn Việt Nam	1	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế; ISSN: 0866-7489			Số 11 (462) Tr. 34-39	Năm 2016
15	Chính sách thu hút kiều hối tại Việt Nam trong giai đoạn hiện nay	1	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam; ISSN: 1013-4328			Số 12 (109) Tr. 26-30	Năm 2016
16	Kinh nghiệm tiếp cận tài chính vi mô tại Trung Quốc	1	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc; ISSN: 0868-3670			Số 12 (184) Tr. 60-72	Năm 2016
17	Dịch vụ tài chính số tại Trung Quốc và những gợi mở mới cho Việt Nam	1	Tác giả chính	<b>Kỷ yếu Hội thảo quốc tế</b> Phát triển bền vững thị trường tài chính trong bối cảnh hội nhập quốc tế; ISBN: 978-604-65- 3108-1			Kỷ yếu Hội thảo quốc tế; NXB Lao động-xã hội; Tr.678-685	Năm 2016
18	Hoạt động thanh toán điện tử của các tổ chức phi ngân hàng tại Việt Nam	1	Tác giả chính	<b>Kỷ yếu Hội thảo quốc tế</b> Thúc đẩy tài chính Việt Nam; ISBN: 978-604-65-3109-8			Kỷ yếu Hội thảo quốc tế; NXB Lao động-xã hội; Tr.367-380	Năm 2017
19	Kinh nghiệm tiếp cận tài chính vi mô tại Bangladesh	1	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á; ISSN: 0866-7314			Số 1 (50) Tr.22-29	Năm 2017
20	Đánh giá tình hình tiếp cận tài chính vi mô của Việt Nam	1	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng;			Số 176+177 /2017	Năm 2017

	thông qua mối quan hệ giữa mức độ tiếp cận và tính bền vững			ISSN: 1859-011X			Tr. 52-58	
21	Mô hình hoạt động tài chính vi mô quốc tế và việc lựa chọn mô hình phù hợp tại Việt Nam	2	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng; ISSN: 1859-011X			Số 180/2017 Tr. 52-56	Năm 2017
22	Tài chính công nghệ - Hướng đi mới của doanh nghiệp Trung Quốc	1	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc; ISSN: 0868-3670			Số 7 (191) Tr. 13-23	Năm 2017
23	Solutions to manage gold market effectively in Vietnam	1	Tác giả chính	<b>Kỷ yếu Hội thảo quốc tế</b> Evolution of monetary policy framework after the global financial crisis; ISBN: 978-604-59-906-36			Kỷ yếu Hội thảo quốc tế; NXB Lao động; Tr.207-214	Năm 2017
24	Ngân hàng chính sách xã hội - Điểm tựa cho hộ nghèo phát triển sản xuất kinh tế	1	Tác giả chính	<b>Kỷ yếu Hội thảo quốc gia</b> Ngân hàng chính sách – 15 năm một chặng đường; ISBN:978-604-65-3098-5			Kỷ yếu Hội thảo quốc gia; NXB Lao động – xã hội; Tr.139-145	Năm 2017
25	Phát triển hoạt động tín dụng chính sách tại các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ	1	Tác giả chính	<b>Kỷ yếu Hội thảo quốc gia</b> Thúc đẩy tiếp cận tài chính toàn diện phát triển kinh tế xã hội các tỉnh Nam Trung Bộ; ISBN: 978-604-59-8954-8			Kỷ yếu Hội thảo quốc gia; NXB Lao động; Tr.305-313	Năm 2017
II	<b>Sau khi được công nhận PGS/TS</b>							
26	Trái phiếu xanh - Hướng phát triển quốc tế và một số gợi ý mới cho Việt Nam	1	Tác giả chính	Tạp chí Những vấn đề Kinh tế và Chính trị thế giới; ISSN: 0868-2984			Số 12 (260) Tr. 34-43	Năm 2017

27	A comparision and evaluation of new regulation on People credit Funds rating in Vietnam	1	Tác giả chính	East Asian Journal of Business Management; ISSN: 2234-3040 (Print); ISSN: 2234-3059 (Online)	IF=0,987 (2015); Korea		Volume 8, No 1; Page: 23-29 (Quý 1, năm 2018)	Năm 2018
28	Phát triển hoạt động tín dụng nông nghiệp tại tỉnh Quảng Nam	1	Tác giả chính	Tạp chí Phát triển bền vững Vùng; ISSN: 2354-0729			Quyển 8 số 1; Tr.86-93	Năm 2018
29	Động thái chính sách tiền tệ của Trung Quốc hiện nay và tác động đến nền kinh tế Trung Quốc	1	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc; ISSN: 0868-3670			Số 6 (202) Tr. 8-19	Năm 2018
30	Các nguyên tắc quản trị công ty tại các ngân hàng – Thông lệ quốc tế và hướng phát triển cho Việt Nam	1	Tác giả chính	<b>Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia</b> Thực thi pháp luật về quản trị công ty đối với ngân hàng thương mại cổ phần ở Việt Nam; ISBN: 978-604-971-2470			Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia; NXB Lao động; Tr.233-246	Năm 2018
31	Thực trạng hoạt động của các tổ chức tài chính vi mô chính thức tại Việt Nam	1	Tác giả chính	<b>Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia</b> Tài chính vi mô hỗ trợ phụ nữ giảm nghèo tại Việt Nam; ISBN: 978-604-971-4214			Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia; NXB Lao động; Tr.249-260	Năm 2018
32	Cấu trúc vốn và độ tự vững của các tổ chức tài chính vi mô tại Việt Nam	4		Tạp chí Kinh tế và Phát triển; ISSN: 859-0012			Số 258 Tr.23-35	Năm 2018
33	Current situation of crypto-currency in Vietnam	1	Tác giả chính	The Journal of Business, Economics and Environmental Studies; ISSN: 2671-4981 (Print); ISSN:	Korea		Volume 9, No 4.29; Page: 29-34 (Quý 4, năm 2019)	Năm 2019



				2671-499X (Online)				
34	Vietnam-India trade: Current relations and prospects	1	Tác giả chính	The International Journal of Industrial Distribution and Business; ISSN: 2233-4165 (Print); ISSN: 2233-5382 (Online)	Korea		Volume 10, No 9.7; Page: 07-17 (Quý 3, năm 2019)	Năm 2019
35	The readiness of Vietnam's enterprises for participation in the Fourth Industrial Revolution	2	Tác giả chính	<b>Kỷ yếu Hội thảo quốc tế</b> Development of Vietnamese small and medium-sized enterprises in the context of Industrial Revolution 4.0; ISBN: 978-604-79-2247-5			Kỷ yếu Hội thảo quốc tế; NXB Tài chính; Tr.47-61	Năm 2019
36	Microfinance outreach: Evidence from Vietnam	2	Tác giả chính	Vietnam Journal for Indian and Asian Studies; ISSN: 0866-7314			Volume 1, No1. Page: 89-102	Năm 2019
37	Cryptocurrency – International Perspective and policy implication for Vietnam	1	Tác giả chính	Vietnam's Socio-Economic Development; ISSN: 0868-359X			Volume 24, No 98. Page 70-84	Năm 2019
38	Cam kết quốc tế trong Hiệp định thương mại tự do của Việt Nam thuộc lĩnh vực tài chính ngân hàng - Một số kiến nghị chính sách	1	Tác giả chính	Tạp chí Những vấn đề Kinh tế và Chính trị thế giới; ISSN 0868-2984			Số 1 (273); Tr.60-70	Năm 2019
39	Gia tăng lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế	1	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á; ISSN: 0866-7314			Số 4 (77); Tr.33-43	Năm 2019

40	Quản lý hoạt động Fintech thông qua khuôn khổ pháp lý thử nghiệm – Kinh nghiệm của một số quốc gia Châu Á và gợi ý chính sách cho Việt Nam	1	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á; ISSN: 08688-2739			Số 4 (229); Tr.48-57	Năm 2019
41	Chính sách phát triển nông nghiệp của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Modi	1	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á; ISSN: 0866-7314			Số 6 (79); Tr.8-17	Năm 2019
42	Nông nghiệp hữu cơ của Ấn Độ - Một xu hướng tất yếu	1	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á; ISSN: 0866-7314			Số 9 (82); Tr.8-18	Năm 2019
43	Chính sách ứng phó của Trung Quốc trước cuộc cách mạng 4.0 - Gợi ý chính sách cho Việt Nam	2	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng; ISSN: 1859-011X			Số 209/2019; Tr.9-19	Năm 2019
44	India-Bhutan Treaties of 1949 and 2007: A Restropect	4		India Quarterly Journal; ISSN: 0974-9284 (Print); ISSN: 0975-2684 (Online); Indian Council of World Affairs & Sage Publisher	Scopus, Q3; Cite Score= 0,573, SIR=0,24		Volume 75, Issue 4; Page:1-15 (Quý 2, năm 2019)	Năm 2019
45	India-Myanmar border trade: Some charateritics	2	Tác giả chính	<b>Kỷ yếu Hội thảo quốc tế</b> India's relations with its neighboring coutries in the new context; ISBN: 978-604-308-0537			Kỷ yếu Hội thảo quốc tế; NXB Khoa học xã hội; Tr.353-367	Năm 2020
46	Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong phòng, chống COVID-19: Trường hợp Việt Nam	3	Tác giả chính	<b>Kỷ yếu Hội thảo quốc tế</b> COVID-19, đại dịch và những vấn đề đặt ra đối với phát triển bền vững;			Kỷ yếu Hội thảo quốc tế; NXB Khoa học xã hội; Tr.385-394	Năm 2020

				ISBN: 978-604-308-1725				
47	Social performance and profit: The case of Vietnam's microfinance institutions	2	Tác giả chính	<b>Kỷ yếu Hội thảo quốc tế</b> International Conference on Business and Finance 2020; ISBN: 978-604-301-028-2			Kỷ yếu Hội thảo quốc tế; NXB Lao động; Tr.1897-1926	Năm 2020
48	Tác động của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đến dòng chảy thương mại và đầu tư tại khu vực Châu Á	2	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc; ISSN: 0868-3670;			Số 11(231); Tr.21-32	Năm 2020
49	Xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển bền vững vùng: Kinh nghiệm Nhật bản và bài học cho Đồng bằng sông Cửu Long	4		Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á; ISSN:2354-077X;			Số 9(235); Tr.03-11	Năm 2020
50	Phát triển bền vững vùng: Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho khu vực Đồng bằng sông Cửu Long ở Việt Nam	2	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu; ISSN: 0868-3581;			Số 8(239); Tr.80-90	Năm 2020
51	Chính sách đối ngoại với nước lớn của Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi: Trường hợp với Mỹ	2	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á, ISSN: 0866-7314;			Số 8(93); Tr.33-40	Năm 2020
52	Tài chính vi mô với sự phát triển của doanh nghiệp nông thôn Ấn Độ	2	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á, ISSN:0866-7314;			Số 9 (94); Tr.28-37	Năm 2020
53	Nhân tố tác động tác động đến quyết định sử dụng ví điện tử của người tiêu dùng trẻ Hà Nội	3	Tác giả chính	Tạp chí Những vấn đề Kinh tế và Chính trị thế giới; ISSN: 0868-2984;			Số 8(292); tr.67-77	Năm 2020
54	Thực trạng nguồn vốn phát triển kinh tế - xã hội tại Đồng bằng sông Cửu Long	1	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng số;			Số 219/2020; Tr. 22-35	Năm 2020

				ISSN: 1859-011X;				
55	Một số đặc trưng trong thương mại biên giới Ấn Độ - Myanmar	2	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á; ISSN: 0868-2739;			Số 6 (234); Tr.73-81	Năm 2020
56	Phát triển hoạt động ngân hàng xanh tại Ấn Độ và Việt Nam	1	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á; ISSN:0866-7314;			Số 6 (91) Tr.9-19;	Năm 2020
57	Chính sách phát triển ngành ngân hàng của Ấn Độ trong xu hướng cách mạng công nghiệp 4.0 và gợi mở mới cho Việt Nam	1	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á; ISSN: 0866-7314;			Số 3(88); tr.10-19	Năm 2020
58	Quan điểm của một số ngân hàng Trung ương trên thế giới trong quản lý tiền ảo	1	Tác giả chính	Tạp chí Những vấn đề Kinh tế và Chính trị thế giới, ISSN: 0868-2984;			2(286); tr.3-13	Năm 2020
59	Impact of financial and social performance on lending interest rate - Evidence from microfinance institutions in Vietnam	3	Tác giả chính	International Journal of Innovation, Creativity and Change; ISSN: 2201-1315 (Print); ISSN: 2201-1315 (Online)	Cite Score= 0,5, SIR=0,255		Volume 14, Issue 11; Page: 29-34 (Quý 3, năm 2020)	Năm 2020
60	Fintech in Microfinance – New approaching direction for microfinance institutions in Vietnam	2	Tác giả chính	The Journal of Business, Economics, and Environmental Studies; ISSN: 2671-4981 (Print); ISSN: 2671-499X (Online);	Korea		Volume 10, No 3.13; Page: 13-22 (Quý 3, năm 2020)	Năm 2020
61	What make banks's front-line staff more customer oriented?: The role of interactional justice	2	Tác giả chính	International Journal of Bank Marketing; ISSN: 0265-2323; (Emerald Publisher)	SSCI, Scopus Q2, Cite score= 6,2 IF: 2.196; SIR=1,09		Volume 38 No. 4, page. 777-798 (Quý 1 năm 2020)	Năm 2020

				* Được Quỹ Nafosted, Bộ KH và CN khen thưởng công bố về công trình khoa học ISI chất lượng				
62	Impact of monetary policy on private investment: Evidence from Vietnam's provincial data	3	Tác giả chính	Economies; ISSN: 2277-099	ESCI, Scopus Q2; Cite score=2,53; SIR = 0,435		Volume 8, Issue 3, page 1-15 (Quý 3 năm 2020)	Năm 2020
63	Impact of outreach on operational self-sufficiency and profit of microfinance institutions in Vietnam	3	Tác giả chính	Book chapter Data Science for Financial Econometrics, Studies in Computational Intelligence 898; ISBN: 3030488527 (Springer Publisher)			Chapter 37; Page. 543-565 (Quý 4 năm 2020)	Năm 2020
64	Information and Communication technology application in the prevention and control of Covid19: Case of Vietnam	3	Tác giả chính	Vietnam Economic Review: ISSN: 0868-2984			Số 12(316); Tr. 3-16	Năm 2020
65	Green banking: Current status and Recommendations for Vietnam	2	Tác giả chính	Vietnam's Socio-Economic Development; ISSN 0868-359X			Volume 25, Number 103; Tr.49-66	Năm 2020
66	Adjustment of India's Foreign Policy under Primer Minister Modi: From Non-Alignment to Multi-Alignment	2	Tác giả chính	Book chapter India-Vietnam enhancing partnership; ISBN: 978-9389-695-960; Narendra Publishing House (New Delhi-110085)			Chapter 4, Page.33-49 (Quý 4 năm 2020)	Năm 2020

67	Environmental Protection Funds: International experiecnce and lessons for Vietnam	2	Tác giả chính	Vietnam Journal for Indian and Asian Studies; ISSN:0866-7314			Volume 2, number 1; Tr.59-67	Năm 2020
68	South Korea's Green New Deal in the post-COVID19 period	1	Tác giả chính	Vietnam Review of Northeast Asian Studies; ISSN: 2354-077X			Volume 10-2021; Tr. 62-70	Năm 2021
69	Peer to peer lending: International countries' regulations and new trend in Vietnam	2	Tác giả chính	Vietnam Journal for Indian and Asian Studies; ISSN:0866-7314			Volume 3, No1; Tr.71-87	Năm 2021
70	Tập trung hay đa dạng hóa danh mục cho vay? Bằng chứng từ một thị trường cận biên	4	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á; ISSN: 2615-9104;			Số 32(4); Tr.51-72	Năm 2021
71	Khung pháp lý về quản lý hoạt động của tổ chức tài chính phi ngân hàng tại Ấn Độ	1	Tác giả chính	Tạp chí Ấn Độ và Châu Á; ISSN: 0866-7314;			Số 12 (109); Tr.24-33	Năm 2021
72	Xây dựng “Con đường tơ lụa Bắc Cực”: Dự án mới của Trung Quốc	1	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc; ISSN: 0868-3670;			Số 11(243); Tr.3-16	Năm 2021
73	Nghiên cứu thực nghiệm hiệu ứng ngưỡng môi trường Kuznets tại các quốc gia đang phát triển Châu Á	2	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu kinh tế; ISSN: 0866-7489;			Số 10(521); Tr.48-60	Năm 2021
74	Các biện pháp thương mại ứng phó với thời kỳ COVID-19: Nghiên cứu trường hợp ASEAN	1	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, ISSN: 0868-2739;			Số 8 (248); Tr.34-45	Năm 2021
75	Hợp tác thương mại Việt Nam-Lào: Cơ hội và giải pháp	1	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á, ISSN:0866-7314;			Số 7(104); Tr.42-49	Năm 2021

76	Thỏa thuận xanh mới của Hàn Quốc trong thời kỳ hậu COVID19	1	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á; ISSN:2354-077X;			Số 6(244); Tr.24-32	Năm 2021
77	Kinh tế Ấn Độ: Ảnh hưởng bởi COVID-19 và triển vọng	1	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á, ISSN:0866-7314;			Số 5(102); Tr.23-35	Năm 2021
78	Chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp định hướng hội nhập: Kinh nghiệm quốc tế và hàm ý cho Việt Nam	2	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu kinh tế; ISSN: 0866-7489;			Số 2(513); Tr.41-51	Năm 2021
79	Factors affecting Infrastructure Connectivity: An Indian and Vietnamese Perspective	2	Tác giả chính	Journal of South Asian Studies, ISSN: 1598-1061 (Print); ISSN: 2508-8114 (Online)	Korea		Volume 27. Number 3; Page: 1-26 (Quý 4 năm 2021)	Năm 2021
80	Developing green bank operation in India and Vietnam: Comparison and evaluation	2	Tác giả chính	Asian Journal of Business Environment; ISSN: 2765-6934 (Print); ISSN: 2765-7027 (Online)	Korea		Volume 11. Number 3.33; Page: 33-43 (Quý 3 năm 2021)	Năm 2021
81	Operational performance of microfinance institutions: The case of lower-middle income countries in Asia	3	Tác giả chính	Book chapter: Prediction and Causality in Econometrics and Related Topics, Studies in Computational Intelligence; ISBN 978-3-030-77094-5 (Springer Publisher)			Chapter 28 Page 362-378 (Quý 3 năm 2021)	Năm 2021
82	Assessing the effectiveness of macroprudential tools on credit growth at bank-level data in Vietnam	3	Tác giả chính	Journal of Asian Finance and Economics and Business; ISSN: 2288-4637 (Print); ISSN:	Cite Score= 2,706, SIR=0,369		Volume 8, Number 8; Page: 325-334 (Quý 3 năm 2021)	Năm 2021

				2288-4645 (Online)				
83	Understanding role of information and communication technology application in Vietnam's prevention and control of COVID-19 pandemic	3	Tác giả chính	Book chapter Artificial Intelligence for COVID-19; ISBN 978-3-030-69744-0 (Springer Publisher)			Volume: 358, Chapter 7 Pages: 101-118 (Quý 3 năm 2021)	Năm 2021
84	International trade and forecast on Vietnam's agricultural export supply in the next decade	4	Tác giả chính	Vietnam Journal for Indian and Asian Studies; ISSN:0866-7314;			Volume 4, number 1; Tr.102-110	Năm 2022
85	Trade relation between Vietnam and Laos: Situation and Solutions	1	Tác giả chính	Vietnam Economic Review: ISSN: 0868-2984; 4(332);			Số 4 (332) Tr.36-44	Năm 2022
86	The importance of education on economic growth: India's experience and some suggestions for Vietnam	4	Tác giả chính	Vietnam Journal for Indian and Asian Studies; ISSN:0866-7314;			Volume 4, number 1; Tr.19-28	Năm 2022
87	Employee-friendly practices and corporate financial performance: Evidence from a frontier market	4		Cogent Business and Management; ISSN: 2331-1975 (Online) (Taylor & Francis Publisher)	Scopus, Q2; Cite Score= 3,762, SIR=0,52		Volume 9:1, page 1-18 (Quý 3 năm 2022)	Năm 2022
88	Building the "Arctic Silk Road": China's new project	3	Tác giả chính	Chinese Journal of International Review; ISSN: 2630-5313 (Print); ISSN: 2630-5321 (Online) (World Scientific Publisher)			Volume 3, Number 3 (Quý 2 năm 2022)	Năm 2022



89	The Relationship Between Central Bank Independence and Systemic Fragility: Global Evidence	2		Cogent Economics and Finance; ISSN: 2332-2039 (Online) (Taylor & Francis Publisher)	Scopus, Q3; Cite Score= 2,712, SIR=0,38		Volume 10:1, pge 1-27 (Quý 2 năm 2022)	Năm 2022
90	Impact of Microfinance Institutions' Lending Interest Rate on Their Financial Performance in Vietnam: A Bayesian Approach	3	Tác giả chính	Book chapter: Fiancial Econometrics: Bayesian Analysis, Quantum Uncertainty, and Related Topics Intelligence; ISBN 978-3-030-98691-9 (Springer Publisher)			Chapter 24 Page 359-374 (Quý 2 năm 2022)	Năm 2022
91	Transport infrastructure connectivity through the Mekong – India Economic Corridor (MIEC): A case study of India and Vietnam	4	Tác giả chính	Focus: Journal of International Business; ISSN: 2347-4459 (Print); ISSN: 2395-258X (Online)	India		Volume 9 (1); Page: 22-45 (Quý 1 năm 2021)	Năm 2021
92	Cơ sở pháp lý cho xã hội hóa giáo dục tại Việt Nam	3	Tác giả chính	Tạp chí Thiết bị giáo dục; ISSN: 1859-0810;			Số 273; Kỳ II; Tr.111-113	Năm 2022
93	Dự báo thương mại nông sản quốc tế và nhu cầu nhập khẩu nông sản của Ấn Độ trong giai đoạn tới	1	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á; ISSN: 0866-7314;			Số 8 (117); Tr.10-18	Năm 2022
94	Kết nối năng lượng Việt Nam - Ấn Độ	2	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á; ISSN: 0866-7314;			Số 7 (116); Tr.1-9	Năm 2022
95	Tương tác giữa công ty Fintech và hệ thống ngân hàng - Hàm ý chính sách cho Việt Nam	2	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế; ISSN: 0866-7489;			Số 6 (529); Tr.41-51	Năm 2022
96	Mục tiêu kết nối hạ tầng: Góc nhìn từ Việt Nam và Ấn Độ	2	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và			Số 5 (114); Tr. 23-31	Năm 2022

				Châu Á; ISSN: 0866-7314;				
97	Hợp tác thương mại và đầu tư giữa Ấn Độ và Hàn Quốc từ sau Thỏa thuận đối tác kinh tế toàn diện (CEPA)	1	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á; ISSN:2354-077X;			Số 4 (254); Tr.13-21	Năm 2022
98	Các yếu tố tác động đến kết nối hạ tầng giữa Việt Nam-Ấn Độ	2	Tác giả chính	Tạp chí Những vấn đề Kinh tế và Chính trị thế giới; ISSN: 0868-2984;			Số 3 (311); Tr.21-31	Năm 2022
99	Phát triển kinh tế số tại khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương	1	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á; ISSN: 0866-7314;			Số 3 (112); Tr.28-36	Năm 2022
100	Sự phát triển của hệ thống ngân hàng tại Ấn Độ từ sau Độc lập đến nay	1	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á; ISSN: 0866-7314;			Số 1(110); Tr.24-33	Năm 2022
101	Triển vọng hội nhập của Ấn Độ với khu vực Đông Nam Á	1	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, ISSN: 0868-2739;			Số 3 (2023); Tr.13-22	Năm 2023
102	Cạnh tranh ảnh hưởng về kinh tế giữa Mỹ và Trung Quốc ở khu vực Ấn Độ Dương	2	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc; ISSN: 0868-3670;			Số 3 (259); Tr.37-49	Năm 2023
103	Enhancing Vietnam – Nepal Tourism Cooperation	2	Tác giả chính	Vietnam Journal for Indian and Asian Studies; ISSN:0866-7314;			Volume 5, number 2; Tr.47-56	Năm 2023
104	Sự điều chỉnh chính sách hướng Đông sang chính sách hành động hướng Đông của Ấn Độ với khu vực Đông Nam Á	1	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á; ISSN: 0866-7314;			Số 2 (123); Tr.9-16	Năm 2023
105	Kết nối năng lượng Việt Nam - Ấn Độ	2	Tác giả chính	<b>Kỷ yếu Hội thảo quốc tế</b> 50 năm quan hệ ngoại giao Việt Nam - Ấn Độ;			Kỷ yếu Hội thảo quốc tế; NXB Khoa học xã hội; Tr.378-394	Năm 2023

				ISBN: 978-604-364-448-7			
--	--	--	--	-------------------------	--	--	--

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 07 bài [61], [62], [63], [81], [83], [88], [90].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS: .....

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú

	nghiên cứu ứng dụng KHCN					
1						
2						
...						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy.....

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): năm học 2017-2018/23

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): năm học 2017-2018/90

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng

ThS/CK2/BSNT bị thiếu: .....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH  ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chương sách: *“Understanding role of information and communication technology application in Vietnam's prevention and control of COVID-19 pandemic”* thuộc cuốn sách Artificial Intelligence for COVID-19. NXB Springer, 2021; ISBN978-3-030-69744-0 mà ứng viên là tác giả chính (corresponding author)

*Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước*

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: .....
- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: .....

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2023*

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**

(Ký và ghi rõ họ tên)



**Đặng Thu Thủy**